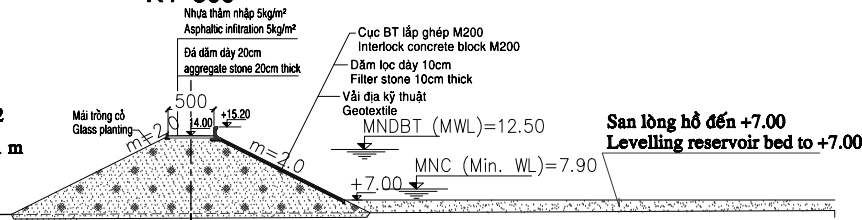


**K4+500**

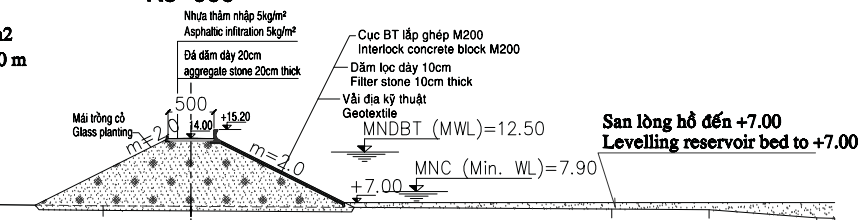
**Đắp - Area of fillsoil = 199.66 m<sup>2</sup>**  
**L trồng cỏ - Planting glass = 18.71 m**



Cao độ tự nhiên	5.33	5.50	5.39	5.36	5.40	5.52	5.87
Khoảng cách m	2.88	23.00	8.96	11.76	25.40	70.00	
Cao độ thiết kế	5.33	5.50	5.39	5.36	5.40	5.52	5.87
Kh/c là thiết kế	2.88	23.00	8.96	11.76	25.40	70.00	

**K5+000**

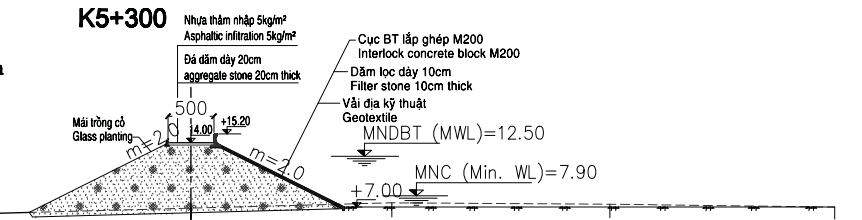
**Đắp - Area of fillsoil = 158.20 m<sup>2</sup>**  
**L trồng cỏ - Planting glass = 15.80 m**



Cao độ tự nhiên	6.41	6.42	6.63	6.65	6.59	6.29	6.22	5.34	5.29
Khoảng cách m	22.22	21.29	16.93	9.56	45.75	10.67	11.70	1.97	
Cao độ thiết kế	6.41	6.42	6.63	6.65	6.59	6.29	6.22	5.34	5.29
Kh/c là thiết kế	22.22	21.29	16.93	9.56	45.75	10.67	11.70	1.97	

**K5+300**

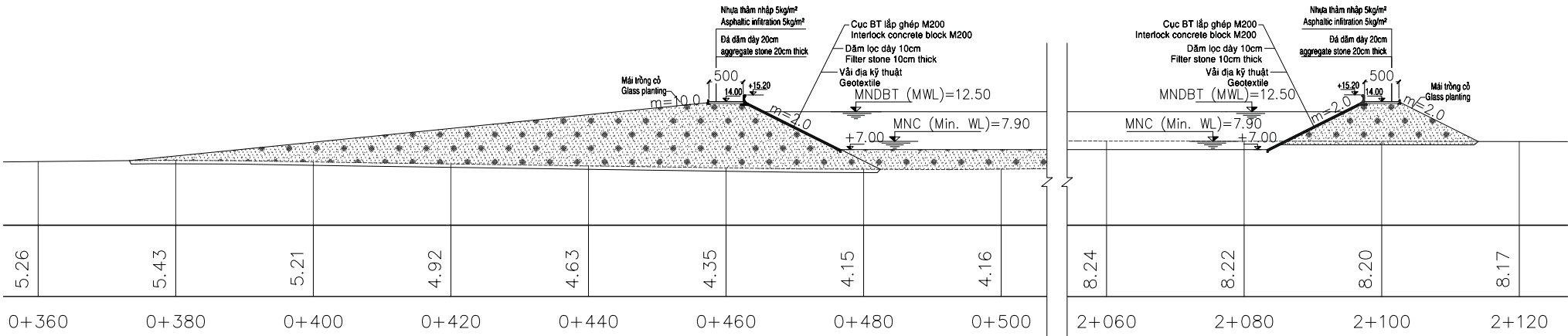
**Đắp - Area of fillsoil = 148.83 m<sup>2</sup>**  
**L trồng cỏ - Planting glass = 16.54 m**



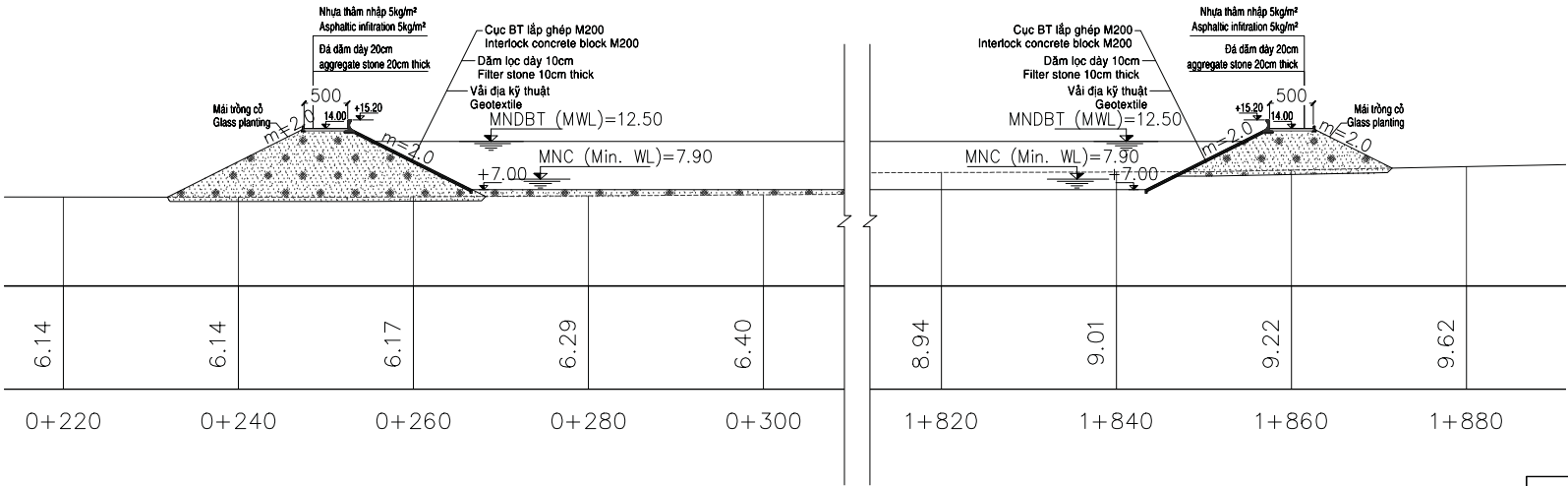
Cao độ tự nhiên	5.35	5.35	5.41	6.87	7.45	7.29	6.96
Khoảng cách m	5.23	10.06	54.71	21.85	23.71	24.44	
Cao độ thiết kế	5.35	5.35	5.41	6.87	7.45	7.29	6.96
Kh/c là thiết kế	5.23	10.06	54.71	21.85	23.71	24.44	

<b>TITLE :</b>		
<b>RESERVOIR SECTION OF DAM (4)</b>		
<b>PHU QUOC</b> Water Supply and Sewerage System Development Preparatory Survey	<b>Scale :</b> 1:600	<b>No :</b> R-5

MẶT CẮT A-A (1/600)  
SECTION A-A (1/600)



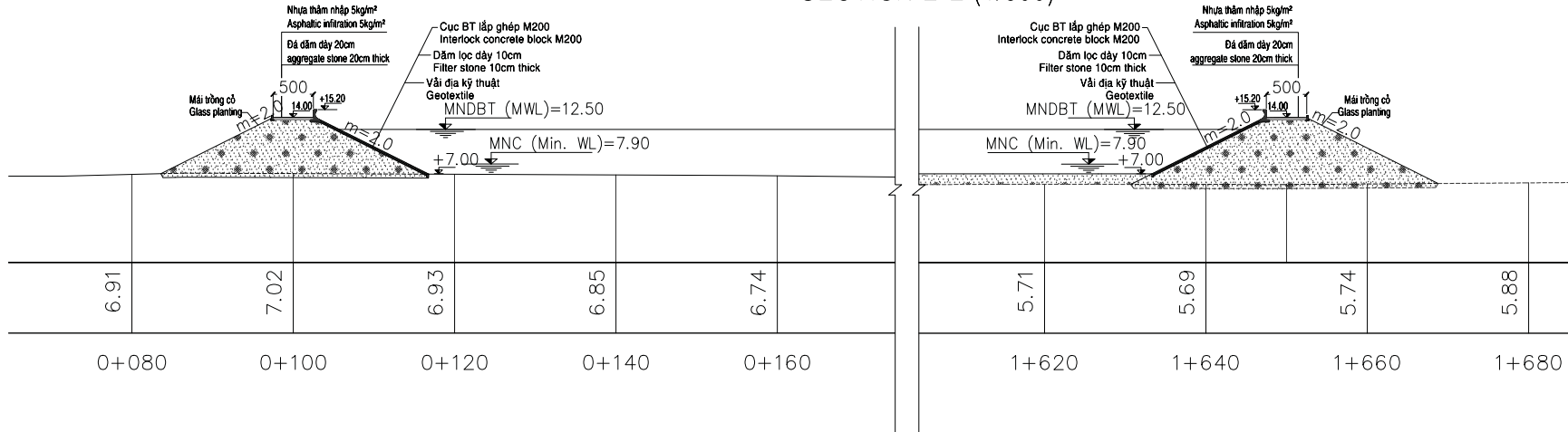
MẶT CẮT B-B (1/600)  
SECTION B-B (1/600)



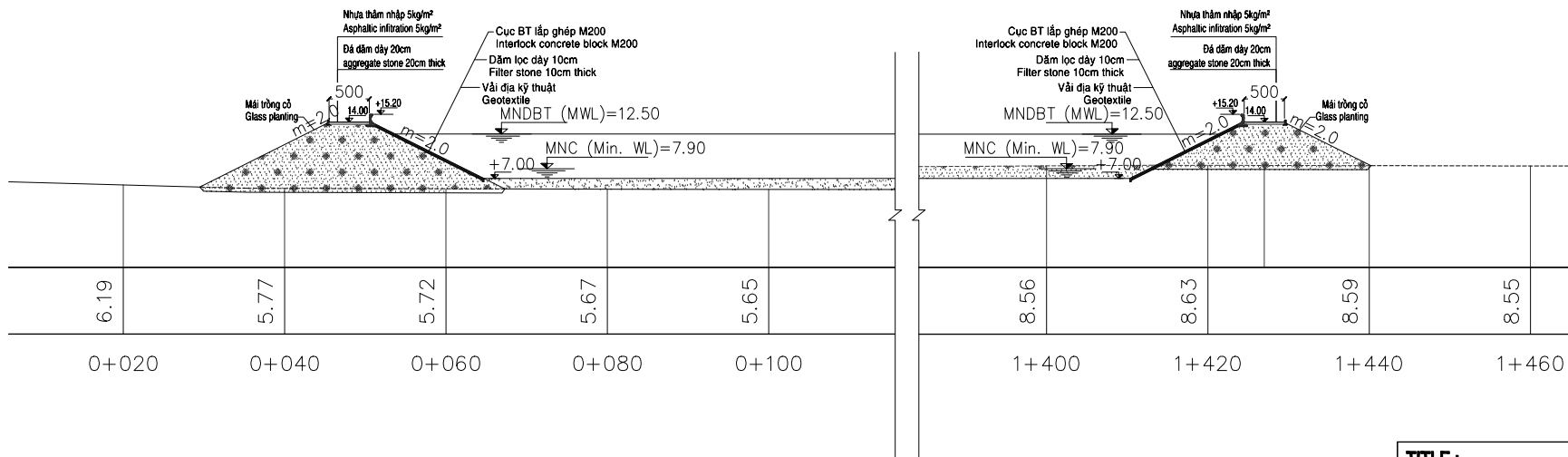
App 1 - 79

<b>TITLE :</b>		
<b>SECTION OF RESERVOIR (1)</b>		
<b>PHU QUOC</b> Water Supply and Sewerage System Development Preparatory Survey	<b>Scale :</b> 1:800	<b>No :</b> R-8

MẶT CẮT E-E (1/600)  
SECTION E-E (1/600)



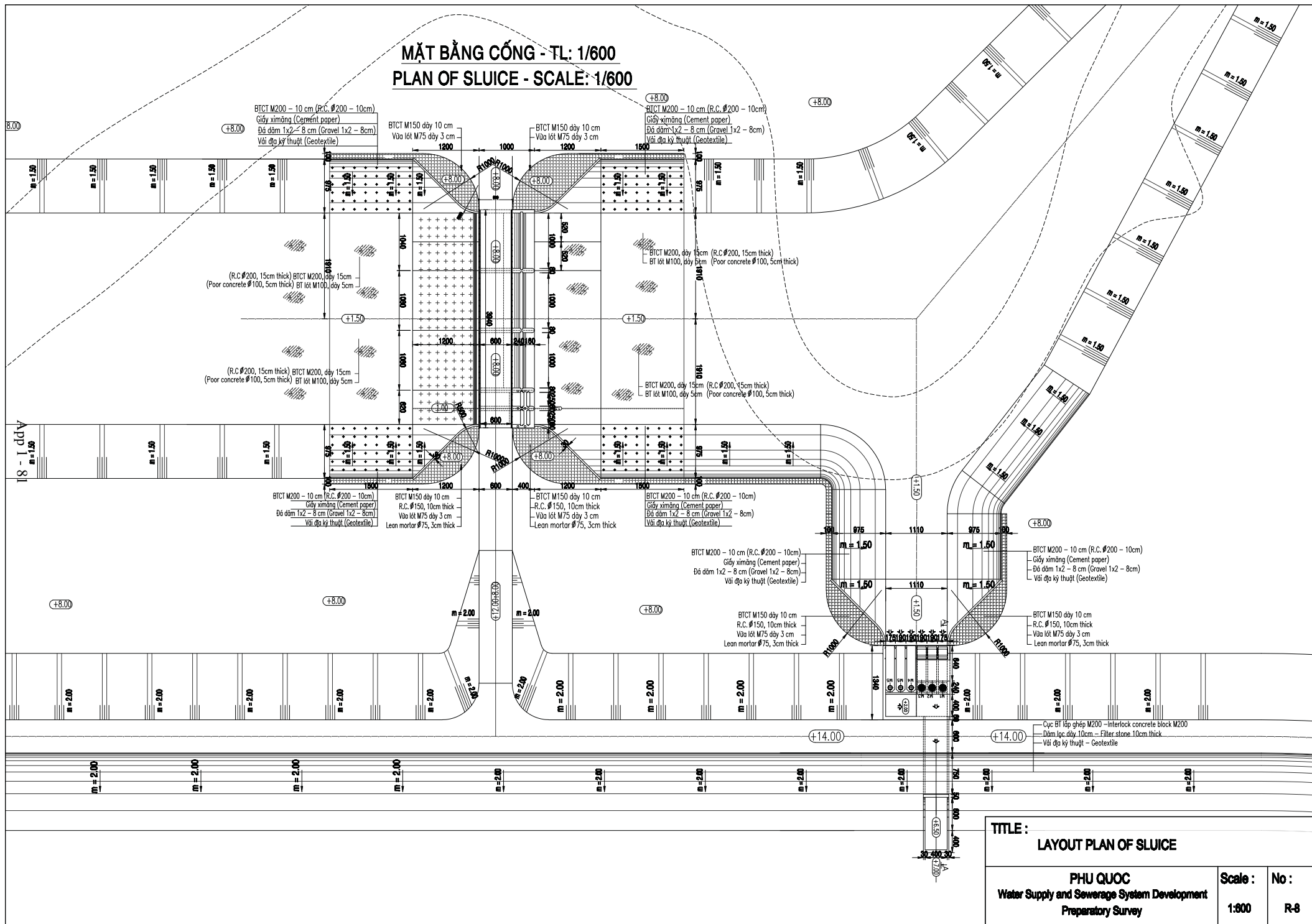
MẶT CẮT F-F (1/600)  
SECTION F-F (1/600)



App 1 - 80

TITLE : SECTION OF RESERVOIR (2)		
PHU QUOC Water Supply and Sewerage System Development Preparatory Survey	Scale : 1:800	No : R-7

**MẶT BẰNG CỐNG - TL: 1/600**  
**PLAN OF SLUICE - SCALE: 1/600**



**TITLE :**  
**LAYOUT PLAN OF SLUICE**

**PHU QUOC**  
 Water Supply and Sewerage System Development  
 Preparatory Survey

**Scale :**  
 1:300

**No :**  
 R-8